TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4- 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái

Bà Ký Bé Lài

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Ngọc T, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp C, xã P , huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Võ Văn H, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp C, xã P , huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2023 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà Bùi Ngọc T trình bày: Năm 2001 bà và ông Võ Văn H kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, thường hay cự cải và xúc phạm lẫn nhau, dù đã được cha mẹ hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu tuyên bố bà và ông Võ Văn H không phải là vợ chồng.

Về con chung, bà và ông Võ Văn H có 02 người con tên là Võ Ngọc L, sinh năm 2002 hiện đã trưởng thành tự lao động sinh sống nên không yêu cầu giải quyết và Võ Ngọc H1, sinh ngày 19/10/2008, hiện do bà Bùi Ngọc T đang nuôi dưỡng. Nay bà yêu cầu giao Võ Ngọc H1 cho bà tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Võ Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản tự khai ngày 27/3/2023, ông Võ Văn H trình bày: Ông và bà Bùi Ngọc T kết hôn năm 2001, đến nay không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cự cải, xúc phạm lẫn nhau, dù đã được cha mẹ hàn gắn nhưng không thành dẫn đến mâu thuẫn càng trầm trọng. Nay ông đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung, đúng như bà Bùi Ngọc T trình bày, nay ông đồng ý giao Võ Ngọc H1 cho bà T nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Ngọc T khởi kiện ông Võ Văn H yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình, quan hệ tranh chấp về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", bị đơn ông Võ Văn H cư trú tại ấp C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Bùi Ngọc T và ông Võ Văn H có yêu cầu xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, bà Bùi Ngọc T và ông Võ Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Ngọc T và ông Võ Văn H không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Ngọc T và ông Võ Văn H là đúng quy định tại điều 9 và 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, bà Bùi Ngọc T và ông Võ Văn H xác định có hai người con chung là Võ Ngọc L và Võ Ngọc H1, nay Võ Ngọc L đã thành niên, tự lao động sinh sống, không yêu cầu giải quyết. Bà Bùi Ngọc T và ông Võ Văn H thống nhất thỏa thuận giao Võ Ngọc H1 cho bà Bùi Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, con chung hiện đang sống với bà T và có nguyện vọng tiếp tục chung sống với mẹ. Vì vậy, để ổn định tâm lý, môi trường sống, học tập

của con chung nên giao Võ Ngọc H1 cho bà Bùi Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ. Bà Bùi Ngọc T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Bùi Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bà Bùi Ngọc T đã nộp tạm ứng xong nay chuyển thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9, 14, 15, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân, không công nhận bà Bùi Ngọc T và ông Võ Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con là Võ Ngọc H1 (giới tính nữ), sinh ngày 19/10/2008 cho bà Bùi Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Văn H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Bùi Ngọc T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018747 ngày 27 tháng 3 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, như vậy bà Bùi Ngọc T không còn phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thị Vẹn